



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BÌNH MINH VIỆT

Địa chỉ: 667 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh

MST: 0315517144

Hotline: 0828 92 93 94

Website: binhminhviet.vn

Email: kinhdoanh@binhminhviet.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG NHỰA PVC-U

Áp dụng từ 21/06/2025 đến khi có thông báo mới

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 201:2025, tham chiếu TCVN 8491-3: 2011/ISO 1452-3:2009, tham khảo BS 3505:1968

TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế		Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
1	Nối trơn	21 D	1500c/b	15	2,100	2,268	7	Nối rút trơn	27 × 21 D	1200c/b	15	2,850	3,078
		27 D	1000c/b	15	3,100	3,348			34 × 21 D	800c/b	15	3,500	3,780
		34 D	600c/b	15	5,100	5,508			34 × 27 D	800c/b	15	4,000	4,320
		42 D	500c/b	15	7,000	7,560			42 × 21 D	500c/b	15	5,200	5,616
		49 D	300c/b	12	10,700	11,556			42 × 27 D	500c/b	15	5,500	5,940
		60 M	330c/b	6	6,500	7,020			42 × 34 D	500c/b	15	6,100	6,588
		60 D	-	12					49 × 21 D	-	15		
		90 M	120c/b	6	15,100	16,308			49 × 27 D	-	12		
		90 D	-	12					49 × 34 D	-	15		
		114 M	58c/b	6	21,900	23,652			49 × 42 D	-	15		
		114 D	-	9					60 × 21 D	-	15		
		168 M	-	6					60 × 27 D	-	15		
		168 D	-	9					60 × 34 D	250c/b	15	12,600	13,608
		220 M	-	6					60 × 42 M	-	6		
2	Nối ren trong	21 D	1600c/b	15	2,100	2,268			60 × 42 D	250c/b	12	13,200	14,256
		27 D	1100c/b	15	3,250	3,510			60 × 49 M	-	6		
		34 D	500c/b	15	5,050	5,454			60 × 49 D	-	12		
		42 D	-	15					90 × 34 M	200c/b	9	11,900	12,852
		49 D	-	12					90 × 42 M	-	6		
		60 D	-	12					90 × 49 D	-	12		
		90 D	-	12					90 × 60 M	200c/b	6	12,650	13,662
		114 D	-	9					90 × 60 D	-	12		
3	Nối ren trong thau	21 D	Cái	15			8	Nối rút có ren	114 × 90 M	90c/b	6	22,600	24,408
		27 D	-	15					21 × RT 27 D	Cái	15		
4	Nối ren ngoài thau	21 D	Cái	15					27 × RT 21 D	1200c/b	15	2,650	2,862
		27 D	500c/b	15	22,800	24,624			34 × RT 21 D	-	15		
5	Nối rút có ren thau	27 × RTT 21 D	1000c/b	15	8,750	9,450			34 × RT 27 D	-	15		
		27 × RNT 21 D							21 × RN 27 D	-	15		
6	Nối ren ngoài	21 D	1800c/b	15	1,900	2,052			27 × RN 21 D	1200c/b	15	2,190	2,365
		27 D	1000c/b	15	2,850	3,078			27 × RN 34 D	1000c/b	15	3,050	3,294
		34 D	800c/b	15	4,950	5,346			27 × RN 42 D	-	15		
									27 × RN 49 D	-	15		

Ghi chú:

Những sản phẩm chưa có giá sẽ sớm được hoàn thiện và đưa ra thị trường trong thời gian tới

M: Mông D: Dày TC: Thủ công RN/RT: Ren ngoài/Ren trong (m): Hệ mét RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BÌNH MINH VIỆT

Địa chỉ: 667 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh

MST: 0315517144

H hotline: 0828 92 93 94

Website: binhminhviet.vn

Email: kinhdoanh@binhminhviet.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG NHỰA PVC-U

Áp dụng từ 21/06/2025 đến khi có thông báo mới

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 201:2025, tham chiếu TCVN 8491-3: 2011/ISO 1452-3:2009, tham khảo BS 3505:1968

TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế		Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
9	Co 90°	21 D	1000c/b	15	2,900	3,132	16	Co 90° rút	27 × 21 D	800c/b	15	3,250	3,510
		27 D	800c/b	15	4,600	4,968			34 × 21 D	-	15		
		34 D	500c/b	15	6,500	7,020			34 × 27 D	-	15		
		42 D	300c/b	12	9,700	10,476			42 × 27 D	-	12		
		49 D	200c/b	12	15,400	16,632			42 × 34 D	-	12		
		60 M	200c/b	6	10,900	11,772			49 × 27 D	-	12		
		60 D	-	12					49 × 34 D	-	12		
		90 M	80c/b	6	25,500	27,540			60 × 34 D	-	12		
		90 D	-	12					60 × 42 D	-	12		
		114 M	36c/b	6	53,000	57,240			60 × 49 D	-	12		
		114 D	-	12					90 × 60 M	-	6		
		168 M	-	6					90 × 60 D	-	12		
10	Co 45°	21 D	1200c/b	15	2,500	2,700	17	Co ren trong thau	21 D	900c/b	15	13,600	14,688
		27 D	800c/b	15	3,800	4,104			27 D	-	15		
		34 D	500c/b	15	6,000	6,480			21 × RTT 27D	-	15		
		42 D	300c/b	15	8,500	9,180			27 × RTT 21D	600c/b	15	14,750	15,930
		49 D	200c/b	12	12,900	13,932			34 × RTT 21D	-	15		
		60 M	200c/b	6	9,500	10,260	18	Co ren ngoài thau	21 D	600c/b	15	18,750	20,250
		60 D	-	12					27 D	-	12		
		90 M	80c/b	6	21,300	23,004			27 × RNT 21D	500c/b	15	25,500	27,540
		90 D	-	12			19	Co ren ngoài	21 D	1000c/b	15	4,200	4,536
		114 M	40c/b	6	41,705	45,041			27 D	-	15		
		114 D	-	9					34 D	-	15		
		168 M	-	6					49 D	-	12		
		168 D	-	9					21 × RN 27 D	-	15		
		220 M	-	6					27 × RN 21 D	600c/b	15	5,450	5,886
11	Co âm dương	90 M	Cái	6					27 × RN 34 D	-	15		
		114 M	-	6					34 × RN 21 D	-	15		
12	Co 3 nhánh 90°	21 D	Cái	15			20	Co ren trong	34 × RN 27 D	-	15		
		27 D	-	15					21 D	1250c/b	15	3,350	3,618
		34 D	-	15					27 D	-	15		
13	Tứ thông	90	Cái	6					34 D	-	15		
		114	-	3			21	Bích đơn	27x RT 21 D	800c/b	15	4,500	4,860
14	Bít xả ren ngoài	60 M	Bộ	6					49 D	Bộ	12		
		90 M	-	6					60 D	-	12		
		114 M	-	6					90 D	-	12		
		168 M	-	6					114 D	-	9		
15	Khởi thủy	110 × 49 D	Bộ	12			22	Bích kép	168 D	-	9		
		114 × 49 D	-	9					220 D	-	9		
		160 × 60 D	-	9			23	Khởi thủy dán	114 × 90 M	Cái	6		
		168 × 60 D	-	9					91 × 49 M	-	6		
		220 × 60 D	-	9									

Ghi chú:

Những sản phẩm chưa có giá sẽ sớm được hoàn thiện và đưa ra thị trường trong thời gian tới

M: Mòng D: Dây TC: Thủ công RN/RT: Ren ngoài/Ren trong (m): Hệ mét RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BÌNH MINH VIỆT

Địa chỉ: 667 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh

MST: 0315517144

H hotline: 0828 92 93 94

Website: binhminhviet.vn

Email: kinhdoanh@binhminhviet.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG NHỰA PVC-U

Áp dụng từ 21/06/2025 đến khi có thông báo mới

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 201:2025, tham chiếu TCVN 8491-3: 2011/ISO 1452-3:2009, tham khảo BS 3505:1968

TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		TT	Sản Phẩm		Số cái/bao	Áp lực (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế		Tên	Quy cách			Chưa thuế	Sau thuế
24	Chữ Y - T 45°	34 D	Cái	12			29	Chữ Y rút - T45°	60 × 42 M	Cái	4		
		42 M	-	6					60 × 42 M	-	6		
		49 M	-	6					60 × 49 M	-	6		
		60 M	100c/b	6	22,750	24,570			90 × 42 M	-	6		
		60 D	-	12					90 × 60 M	-	6		
		90 M	-	3					114 × 60 M	-	6		
		90 M	28c/b	6	53,600	57,888			114 × 90 M	-	6		
		114 M	14c/b	3	77,700	83,916			140 × 90 M	-	6		
		114 M	-	6					140 × 114 M	-	6		
		114 D	-	9					140 × 114 D	-	10		
		168 M	-	4					168 × 90 M	-	6		
25	Chữ T	21 D	800c/b	15	3,800	4,104	30	Chữ T rút	27 × 21 D	600c/b	15	4,600	4,968
		27 D	600c/b	15	6,100	6,588			34 × 21 D	450c/b	15	7,100	7,668
		34 D	300c/b	15	10,000	10,800			34 × 27 D	400c/b	15	8,200	8,856
		42 D	200c/b	15	13,200	14,256			42 × 21 D	200c/b	15	10,000	10,800
		49 D	150c/b	12	19,500	21,060			42 × 27 D	200c/b	15	10,000	10,800
		60 M	130c/b	6	13,900	15,012			42 × 34 D	200c/b	15	11,200	12,096
		60 D	-	12					49 × 21 D	-	15		
		90 M	46c/b	6	40,400	43,632			49 × 27 D	-	15		
		90 D	-	12					49 × 34 D	-	15		
		114 M	20c/b	6	72,300	78,084			49 × 42 D	-	12		
		114 D	-	9					60 × 21 D	150c/b	15	21,000	22,680
		168 M	-	6					60 × 27 D	130c/b	15	23,200	25,056
		220 M	-	6					60 × 34 D	120c/b	12	21,600	23,328
26	T cong rút	90 × 60 M	Cái	6					60 × 42 D	-	12		-
		114 × 60 M	-	6					60 × 49 D	-	12		-
		114 × 90 M	-	6					90 × 34 D	-	12		-
		168 × 90 M	-	6					90 × 42 M	-	6		-
27	T cong	42 D	Cái	15					90 × 60 M	-	6		-
		60 M	100c/b	6	18,650	20,142			90 × 60 D	-	12		-
		90 M	36c/b	6	48,800	52,704			90 × 60 D	-	12		-
		114 M	15c/b	3	87,700	94,716			114 × 60 M	-	6		-
		168 M	-	6					114 × 60 D	-	9		-
		168 D	-	10					114 × 90 M	-	6		-
28	Van	21	50c/t	12	18,500	19,980	31	Keo dán	25gr	Tuýp		5,200	5,616
		27	50c/t	12	21,600	23,328			50gr	-		8,900	9,612
		34	50c/t	12	36,500	39,420			200gr	Lon		42,000	45,360
		42	30c/t	12	54,600	58,968			500gr	-		76,300	82,404
		49	24c/t	12	81,000	87,480			1kg	-		142,500	153,900
		60	24c/t	10	105,000	113,400	32	Con thỏ	60 M	Bộ	6		
		90	1c/t	6	370,000	399,600			90 M	-	6		

Ghi chú:

Những sản phẩm chưa có giá sẽ sớm được hoàn thiện và đưa ra thị trường trong thời gian tới.

M: Mông D: Dày TC: Thủ công RN/RT: Ren ngoài/Ren trong (m): Hệ mét RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau